

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 757/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/10/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Phó

2. Bà Phan Thị Quý

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2019 về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã KS, huyện CT, Tiền Giang.

2. ***Bị đơn:*** **Đặng Ngọc M**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã KS, huyện CT, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Đặng Ngọc M chung sống với nhau vào năm 1998. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, Tiền Giang vào ngày 12/7/2004. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống. Do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 1 con chung là Đặng Hoàng K, sinh ngày 21/3/2002. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Đặng Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo v/v thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt anh M. Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị B là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Về con chung: Đề nghị giao cháu K cho Chị B nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Đương sự yêu cầu tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn với anh Đặng Ngọc M. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp “Ly hôn”.

Xét anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh M tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị B và anh M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 12/7/2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn với anh M, nguyên nhân là do anh M có quan hệ với người phụ nữ khác, hai người không còn sự quan tâm lẫn nhau. Xét lời trình bày này của Chị B phù hợp với biên bản xác minh v/v nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp ngày 15/8/2019 của Tòa án. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữa Chị B và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị B.

[3] Về con chung: Chị B và anh M có 1 con chung là Đặng Hoàng K, sinh ngày 21/3/2002. Xét cháu K hiện đang sống cùng Chị B, được Chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu K, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cháu K cho Chị B nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị B không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị B yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B,

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Đặng Ngọc M.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Đặng Ngọc M có 1 con chung là Đặng Hoàng K, sinh ngày 21/3/2002. Giao cháu K cho Chị B nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Đương sự yêu cầu tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 01072 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Kim Sơn
- Các đương sự
- Lưu HSAV

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Nhật

